

PHỤ LỤC SỐ V

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**Công ty Cổ phần Xây lắp-Cơ
khí và Lương thực Thực phẩm**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 38/HDQT.MCF.22

Long An, ngày 20 tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

6 tháng đầu năm 2022

Kính gửi: – Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
– Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- **Tên công ty đại chúng:** Công ty Cổ phần Xây lắp-Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
- **Địa chỉ trụ sở chính:** 29 Nguyễn Thị Bảy-Phường 6-TP.Tân An-T.Long An
- **Điện thoại:** 0272.3820509 Fax: 0272.3521252 Email: info@mecofood.com.vn
- **Vốn điều lệ:** 107.778.380.000 đồng (Một trăm lẻ bảy tỷ bảy trăm bảy mươi tám triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng)
- **Mã chứng khoán:** MCF
- **Mô hình quản trị công ty:**
 - + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Về thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Ngày 15/06/2022 Công ty cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Đại hội đã thành công tốt đẹp và bế mạc lúc 11h 35 cùng ngày.

STT	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung
1	32/NQ-ĐHCD.MCF	15/06/2022	Điều 1: Thông qua các báo cáo sau đây: 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021, phương hướng SXKD năm 2022; a) Kết quả hoạt động SXKD 2021: <ul style="list-style-type: none">- Sản lượng mua vào quy gạo: 33.433 tấn.- Bán ra: Lương thực quy gạo: 25.709 tấn.- Bao bì: 7.096 triệu cái.- Cơ khí: 6,713 tỷ đồng.- Bê tông: 53.010 m³.- Mỹ nghệ: 17 cont.- Tổng doanh thu : 448,063 tỷ đồng.

STT	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung																									
			<p>- Lợi nhuận trước thuế: 13,508 tỷ đồng.</p> <p>b) Kế hoạch SXKD năm 2022 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản lượng mua vào quy gạo : 34.000 tấn. - Bán ra: Lương thực quy gạo : 34.000 tấn. - Bao bì: 10 triệu cái. - Cơ khí: 20 tỷ đồng. - Bê tông: 65.000 m³. - Mỹ nghệ: 24 cont. - Tổng doanh thu: 570 tỷ đồng. - Lợi nhuận trước thuế: 13,7 tỷ đồng. <p>(Có báo cáo chi tiết kèm theo)</p> <p><i>Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.</i></p> <p>2. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022; <i>Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.</i></p> <p>3. Thông qua Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Ban kiểm soát; <i>Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.</i></p> <p>4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được Công ty TNHH PKMG thực hiện kiểm toán; <i>Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.</i></p> <p>Điều 2: Thông qua kết quả thực hiện quỹ lương, thù lao năm 2021 và kế hoạch quỹ lương, thù lao năm 2022:</p> <p>1. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Quỹ tiền lương năm 2021</p> <p style="text-align: right;">Đơn vị tính : <i>Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="561 1577 1541 1971"> <thead> <tr> <th>Diễn giải</th> <th>Quỹ lương được trích năm 2021</th> <th>Số thực trích quyết toán Năm 2021</th> <th>Chênh lệch</th> <th>So sánh (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>A</td> <td>B</td> <td>C</td> <td>D= (B-C)</td> <td>E= (C/Bx100 %)</td> </tr> <tr> <td>Quỹ lương trích đưa vào phí SXKD</td> <td>36.820.000.000</td> <td>28.976.524.000</td> <td>-7.843.476.000</td> <td>78,70%</td> </tr> <tr> <td>Trong đó:- Quỹ lương LDQL</td> <td>2.340.000.000</td> <td>2.340.000.000</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Quỹ lương NLD</td> <td>34.480.000.000</td> <td>26.636.524.000</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Diễn giải	Quỹ lương được trích năm 2021	Số thực trích quyết toán Năm 2021	Chênh lệch	So sánh (%)	A	B	C	D= (B-C)	E= (C/Bx100 %)	Quỹ lương trích đưa vào phí SXKD	36.820.000.000	28.976.524.000	-7.843.476.000	78,70%	Trong đó:- Quỹ lương LDQL	2.340.000.000	2.340.000.000			- Quỹ lương NLD	34.480.000.000	26.636.524.000		
Diễn giải	Quỹ lương được trích năm 2021	Số thực trích quyết toán Năm 2021	Chênh lệch	So sánh (%)																								
A	B	C	D= (B-C)	E= (C/Bx100 %)																								
Quỹ lương trích đưa vào phí SXKD	36.820.000.000	28.976.524.000	-7.843.476.000	78,70%																								
Trong đó:- Quỹ lương LDQL	2.340.000.000	2.340.000.000																										
- Quỹ lương NLD	34.480.000.000	26.636.524.000																										

STT	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung																																																																													
			<p>2. Thông qua kế hoạch Quỹ lương trích đưa vào phí SXKD năm 2022</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">T T</th> <th rowspan="2">Diễn giải</th> <th colspan="2">Năm 2021</th> <th rowspan="2">Kế hoạch Năm 2022</th> <th colspan="2">So sánh (%)</th> </tr> <tr> <th>Số Kế hoạch</th> <th>Số thực tế</th> <th></th> <th></th> </tr> <tr> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>(6) = (5) / (3)</th> <th>(7) = (5) / (4)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Lợi nhuận ròng trước thuế</td> <td>13.500.000.000</td> <td>13.508.215.322</td> <td>13.700.000.000</td> <td>101,48%</td> <td>101,42%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Đơn giá tiền lương (Tỷ lệ% trên lợi nhuận chưa trừ lương v/(v+m))</td> <td>73,17%</td> <td>68,20%</td> <td>71,46%</td> <td>97,66%</td> <td>104,78%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Quỹ lương trích đưa vào phí</td> <td>36.820.000.000</td> <td>28.976.524.000</td> <td>34.300.000.000</td> <td>93,16%</td> <td>118,37%</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Trong đó:- Quỹ lương LDQL</td> <td>2.340.000.000</td> <td>2.340.000.000</td> <td>2.340.000.000</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td>- Quỹ lương NLD</td> <td>34.480.000.000</td> <td>26.636.524.000</td> <td>31.960.000.000</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Và tùy theo tình hình thực tế kết quả lợi nhuận thực hiện, Công ty sẽ trích và thực chi lương trong năm tài chính 2022 đúng theo tỷ lệ % lợi nhuận chưa trừ lương (v/v+m)=71,46% đồng thời sẽ báo cáo lại cho cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.</p> <p>3. Thông qua Mức thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2022</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT: 7 000 000 đồng/người/tháng - Kiểm soát viên: 5 500 000 đồng/người/tháng - Thư ký HĐQT: 4 500 000 đồng/người/tháng - Tiền lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: 22.000.000 đồng/tháng <p>Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.</p> <p>Điều 3: Thông qua kết quả SXKD, phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch SXKD, phân phối lợi nhuận năm 2022.</p> <p>1. Thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>NỘI DUNG</th> <th>NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2021</th> <th>THỰC HIỆN 2021</th> <th>(%) so với NQ ĐHĐCĐ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>I</td> <td>Sản lượng</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Mua vào : Lương thực quy gạo</td> <td>37.400</td> <td>33.433</td> <td>89,39%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Bán ra:</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>					T T	Diễn giải	Năm 2021		Kế hoạch Năm 2022	So sánh (%)		Số Kế hoạch	Số thực tế			1	2	3	4	5	(6) = (5) / (3)	(7) = (5) / (4)	1	Lợi nhuận ròng trước thuế	13.500.000.000	13.508.215.322	13.700.000.000	101,48%	101,42%	2	Đơn giá tiền lương (Tỷ lệ% trên lợi nhuận chưa trừ lương v/(v+m))	73,17%	68,20%	71,46%	97,66%	104,78%	3	Quỹ lương trích đưa vào phí	36.820.000.000	28.976.524.000	34.300.000.000	93,16%	118,37%		Trong đó:- Quỹ lương LDQL	2.340.000.000	2.340.000.000	2.340.000.000				- Quỹ lương NLD	34.480.000.000	26.636.524.000	31.960.000.000			STT	NỘI DUNG	NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2021	THỰC HIỆN 2021	(%) so với NQ ĐHĐCĐ	I	Sản lượng				1	Mua vào : Lương thực quy gạo	37.400	33.433	89,39%	2	Bán ra:			
T T	Diễn giải	Năm 2021		Kế hoạch Năm 2022	So sánh (%)																																																																											
		Số Kế hoạch	Số thực tế																																																																													
1	2	3	4	5	(6) = (5) / (3)	(7) = (5) / (4)																																																																										
1	Lợi nhuận ròng trước thuế	13.500.000.000	13.508.215.322	13.700.000.000	101,48%	101,42%																																																																										
2	Đơn giá tiền lương (Tỷ lệ% trên lợi nhuận chưa trừ lương v/(v+m))	73,17%	68,20%	71,46%	97,66%	104,78%																																																																										
3	Quỹ lương trích đưa vào phí	36.820.000.000	28.976.524.000	34.300.000.000	93,16%	118,37%																																																																										
	Trong đó:- Quỹ lương LDQL	2.340.000.000	2.340.000.000	2.340.000.000																																																																												
	- Quỹ lương NLD	34.480.000.000	26.636.524.000	31.960.000.000																																																																												
STT	NỘI DUNG	NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2021	THỰC HIỆN 2021	(%) so với NQ ĐHĐCĐ																																																																												
I	Sản lượng																																																																															
1	Mua vào : Lương thực quy gạo	37.400	33.433	89,39%																																																																												
2	Bán ra:																																																																															

STT	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung				
				- Lúa gạo quy gạo	37.400	25.709	68,74%
				- Bao bì	10.000.000	7.096.000	70,96%
			II	Chỉ tiêu tài chính			
			1	Tổng doanh thu	560.000.000.000	448.062.988.094	80,01%
			2	Lợi nhuận trước thuế	13.500.000.000	13.508.215.322	100,06%
			3	Lợi nhuận sau thuế phân phối	10.800.000.000	10.905.825.060	100,98%
			4	Nguồn để chi thù lao, trích lập các quỹ và chia cổ tức	10.800.000.000	10.905.825.060	100,98%
			a	Chi thù lao HĐQT không chuyên trách	110.400.000	110.400.000	100%
			b	Trích quỹ khen thưởng ban điều hành (Theo NĐ 53)	292.500.000	292.500.000	100%
			c	Trích quỹ Đầu tư phát triển (10%)	1.039.710.000	1.050.293.000	101,02%
			d	Trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi (15%)	1.559.565.000	1.575.439.000	101,02%
			e	Chia cổ tức	7.760.043.360	7.760.043.360	100%
			5	Tỷ lệ chia cổ tức/ VĐL 107 778 380 000 đồng	7,20%	7,20%	100%
			6	Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức	73.781.640	117.149.700	
<p>2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022</p>							
STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN 2021	KH SXKD 2022	(%) so với 2021			
I	Sản lượng						
1	Mua vào : Lương thực quy gạo	33.433	34.000	101,70%			
2	Bán ra:						
	- Lúa gạo quy gạo	25.709	34.000	132,25%			
	- Bao bì	7.096.000	10.000.000	140,92%			
II	Chỉ tiêu tài chính						

STT	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung																																																																								
			1	Tổng doanh thu	448.062.988.094	570.356.000.000	127,29%																																																																				
			2	Lợi nhuận trước thuế	13.508.215.322	13.700.000.000	101,42%																																																																				
			3	Lợi nhuận sau thuế phân phối	10.905.825.060	10.960.000.000	100,49%																																																																				
			4	Nguồn để chi thù lao, trích lập các quỹ và chia cổ tức	10.905.825.060	10.960.000.000	100,49%																																																																				
			a	Chi thù lao HĐQT không chuyên trách	110.400.000	168.000.000	152,17%																																																																				
			b	Trích quỹ khen thưởng ban điều hành (Theo NĐ 53)	292.500.000	292.500.000	100,00%																																																																				
			c	Trích quỹ Đầu tư phát triển (10%)	1.050.293.000	1.049.950.000	99,97%																																																																				
			d	Trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi (15%)	1.575.439.000	1.574.925.000	99,97%																																																																				
			e	Chia cổ tức	7.760.043.360	7.867.821.740	101,39%																																																																				
			5	Tỷ lệ chia cổ tức/ VĐL 107 778 380 000 đồng	7,20%	7,30%	101,39%																																																																				
			6	Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức	117.149.700	6.803.260																																																																					
<p>Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.</p> <p>Điều 4: Thông qua tờ trình đầu tư mua sắm tài sản cố định năm 2022</p>																																																																											
<table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th rowspan="2">Tên hạng mục đầu tư</th> <th rowspan="2">Tổng mức đầu tư (Đồng)</th> <th colspan="2">Nguồn vốn thực hiện</th> <th rowspan="2">Ghi chú</th> </tr> <tr> <th>Vốn Công ty</th> <th>Vốn vay</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="6">I</td> </tr> <tr> <td colspan="6">Xí nghiệp Xây Lắp Cơ Khí</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Máy cuốn thép hình U, V (VN, mới 100%): 1 máy</td> <td>300.000.000</td> <td>300.000.000</td> <td></td> <td>Năm 2021 chuyển sang</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Máy cắt kim loại CNC (Việt Nam, mới 100%): 1 máy</td> <td>500.000.000</td> <td>500.000.000</td> <td></td> <td>Năm 2021 chuyển sang</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Xe trung chuyên bê tông (1-2m³): 1 chiếc</td> <td>210.000.000</td> <td>210.000.000</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="6">II</td> </tr> <tr> <td colspan="6">Xí nghiệp Lương Thực Thực Phẩm</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Hệ thống bồn chứa thành phẩm (Dc máy 3 – PX1)</td> <td>1.650.000.000</td> <td>1.650.000.000</td> <td></td> <td>Đơn vị tự thực hiện</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý bụi các dây chuyền máy tại PX1</td> <td>780.000.000</td> <td>780.000.000</td> <td></td> <td>Đơn vị tự thực hiện</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Nâng nền kho PX1</td> <td>1.100.000.000</td> <td>1.100.000.000</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>								TT	Tên hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (Đồng)	Nguồn vốn thực hiện		Ghi chú	Vốn Công ty	Vốn vay	I						Xí nghiệp Xây Lắp Cơ Khí						1	Máy cuốn thép hình U, V (VN, mới 100%): 1 máy	300.000.000	300.000.000		Năm 2021 chuyển sang	2	Máy cắt kim loại CNC (Việt Nam, mới 100%): 1 máy	500.000.000	500.000.000		Năm 2021 chuyển sang	3	Xe trung chuyên bê tông (1-2m ³): 1 chiếc	210.000.000	210.000.000			II						Xí nghiệp Lương Thực Thực Phẩm						1	Hệ thống bồn chứa thành phẩm (Dc máy 3 – PX1)	1.650.000.000	1.650.000.000		Đơn vị tự thực hiện	2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý bụi các dây chuyền máy tại PX1	780.000.000	780.000.000		Đơn vị tự thực hiện	3	Nâng nền kho PX1	1.100.000.000	1.100.000.000		
TT	Tên hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (Đồng)	Nguồn vốn thực hiện		Ghi chú																																																																						
			Vốn Công ty	Vốn vay																																																																							
I																																																																											
Xí nghiệp Xây Lắp Cơ Khí																																																																											
1	Máy cuốn thép hình U, V (VN, mới 100%): 1 máy	300.000.000	300.000.000		Năm 2021 chuyển sang																																																																						
2	Máy cắt kim loại CNC (Việt Nam, mới 100%): 1 máy	500.000.000	500.000.000		Năm 2021 chuyển sang																																																																						
3	Xe trung chuyên bê tông (1-2m ³): 1 chiếc	210.000.000	210.000.000																																																																								
II																																																																											
Xí nghiệp Lương Thực Thực Phẩm																																																																											
1	Hệ thống bồn chứa thành phẩm (Dc máy 3 – PX1)	1.650.000.000	1.650.000.000		Đơn vị tự thực hiện																																																																						
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý bụi các dây chuyền máy tại PX1	780.000.000	780.000.000		Đơn vị tự thực hiện																																																																						
3	Nâng nền kho PX1	1.100.000.000	1.100.000.000																																																																								

STT	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung					
			4	Xây hồ chứa nước PCCC + Cải tạo hệ thống thoát nước PX1	500.000.000	500.000.000		
			5	Tháo dỡ, di dời, sửa chữa, lắp đặt hệ thống băng tải PX1	500.000.000	500.000.000		Đơn vị tự thực hiện
			III	Xí nghiệp Bao Bì & TCMN	500.000.000	500.000.000		
			1	Máy dệt bao PP 6 thoi (đã qua sử dụng)	500.000.000	500.000.000		
				Tổng cộng	6.040.000.000	6.040.000.000		
<p>Thông nhất việc nghiên cứu sản phẩm mới chế biến từ gạo. Sau khi nghiên cứu và xây dựng dự án tiền khả thi sẽ trình cổ đông bằng văn bản để triển khai đầu tư phát triển sản phẩm mới.</p> <p><i>Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.</i></p> <p>Điều 5: Thông qua tờ trình thực hiện giao dịch đối với tổ chức có liên quan</p> <p>Trong niên độ tài chính năm 2022 chấp thuận cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 luật doanh nghiệp năm 2020 và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>Hội đồng quản trị ủy quyền cho Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp – Cơ khí và Lương thực Thực phẩm quyết định thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định đối với từng loại hợp đồng, giao dịch và nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật; báo cáo định kỳ hàng tháng, quý cho Hội đồng quản trị Công ty.</p> <p><i>Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.</i></p> <p>Điều 6: Thông qua các tiêu thức lựa chọn và danh sách 04 (bốn) đơn vị kiểm toán độc lập theo đề xuất trong tờ trình của Ban kiểm soát để làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2022 của Công ty gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty TNHH KPMG Việt Nam - Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam <p>Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.</p> <p><i>Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu</i></p>								

STT	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung												
			<p><i>quyết dự họp.</i></p> <p>Điều 7: Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>a. Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với các thành viên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bà Nguyễn Thị Hoài; + Ông Võ Hùng Dũng. <p>b. Miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với thành viên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ông Trần Vĩnh Thanh. <p>Thời điểm miễn nhiệm có hiệu lực: Tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.</p> <p><i>Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.</i></p> <p>Điều 8: Thông qua việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2019-2023) như sau:</p> <p>1. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: 02 thành viên. - Danh sách ứng viên đề cử tham gia bầu bổ sung vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bà Lê Mai Hân; + Ông Trần Vĩnh Thanh. <p>2. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng thành viên Ban kiểm soát bầu bổ sung: 01 thành viên. - Danh sách ứng viên đề cử tham gia bầu bổ sung vào vị trí thành viên Ban kiểm soát như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Ông Phan Lê Duy. <p><i>Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.</i></p> <p>3. Đại hội đã tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2019-2023) theo phương thức bầu dồn phiếu.</p> <p>Kết quả như sau:</p> <p>a. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:</p> <table border="1" data-bbox="565 1717 1539 1980"> <thead> <tr> <th data-bbox="565 1717 662 1835">STT</th> <th data-bbox="662 1717 1008 1835">Họ và tên</th> <th data-bbox="1008 1717 1295 1835">Số lượng quyền biểu quyết hợp lệ</th> <th data-bbox="1295 1717 1539 1835">Tỷ lệ biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="565 1835 662 1906">1</td> <td data-bbox="662 1835 1008 1906">Bà Lê Mai Hân</td> <td data-bbox="1008 1835 1295 1906">8.448.718</td> <td data-bbox="1295 1835 1539 1906">103,48%</td> </tr> <tr> <td data-bbox="565 1906 662 1980">2</td> <td data-bbox="662 1906 1008 1980">Ông Trần Vĩnh Thanh</td> <td data-bbox="1008 1906 1295 1980">7.881.136</td> <td data-bbox="1295 1906 1539 1980">96,52%</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Họ và tên	Số lượng quyền biểu quyết hợp lệ	Tỷ lệ biểu quyết	1	Bà Lê Mai Hân	8.448.718	103,48%	2	Ông Trần Vĩnh Thanh	7.881.136	96,52%
STT	Họ và tên	Số lượng quyền biểu quyết hợp lệ	Tỷ lệ biểu quyết												
1	Bà Lê Mai Hân	8.448.718	103,48%												
2	Ông Trần Vĩnh Thanh	7.881.136	96,52%												

STT	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung			
			b. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát:			
			STT	Họ và tên	Số lượng quyền biểu quyết hợp lệ	Tỷ lệ biểu quyết
			1	Ông Phan Lê Duy	8.157.734	99,91%
			<p>Điều 9. Triển khai thực hiện Nghị quyết</p> <p>Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 15/06/2022.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>			

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng năm 2022):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

STT	Thành Viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Văn Kiệt	Chủ tịch HĐQT	12/06/2019	
2	Lê Trường Sơn	UV HĐQT-TGD	12/06/2019	
3	Nguyễn Bình Hiễn	UV HĐQT-PTGD	12/06/2019	
4	Nguyễn Thị Hoài	UV HĐQT	12/06/2019	15/06/2022
5	Võ Hùng Dũng	UV HĐQT	12/06/2019	15/06/2022
6	Lê Mai Hân	UV HĐQT	15/06/2022	
7	Trần Vinh Thanh	UV HĐQT	15/06/2022	

2. Các cuộc họp HĐQT

STT	Thành Viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Kiệt	4/4	100 %	
2	Lê Trường Sơn	4/4	100 %	
3	Nguyễn Bình Hiễn	4/4	100 %	
4	Nguyễn Thị Hoài	4/4	100 %	
5	Võ Hùng Dũng	4/4	100 %	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Kiểm tra chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong các công việc sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2022 và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đã đề ra, đồng thời Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp hàng tháng với Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, đơn vị để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 cho phù hợp với thực tế của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và website Công ty.

- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, Quyết định, văn bản thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc còn được thực hiện thông qua các báo cáo tình hình hoạt động SXKD trong tháng và kế hoạch, phương hướng tháng tới do Tổng Giám đốc gửi các thành viên HĐQT.

- Ngoài ra, khi có phát sinh những vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty đều xin ý kiến của HĐQT. HĐQT tiến hành cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản và có sự thống nhất của tất cả các thành viên trong HĐQT.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị công ty làm việc theo nguyên tắc tập thể dưới sự chủ trì của Chủ tịch HĐQT không có thành lập tiểu ban thuộc HĐQT

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2022):

ST T	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung
1	02/NQ-HĐQT.MCF	05/01/2022	<p>ĐIỀU 1: Thống nhất bổ nhiệm có thời hạn Bà: NGUYỄN THỊ THANH PHỤNG – Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm, giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm kể từ ngày 05/01/2022. Thời gian bổ nhiệm là 05 năm (05/01/2022 - 05/01/2027).</p> <p>ĐIỀU 2: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng chức năng, các Xí nghiệp trực thuộc Công ty triển khai thực hiện nghị quyết này.</p>

2	05/NQ- HDQT.MCF	06/01/2022	<p>Điều 1: Thống nhất phê duyệt tổng hạn mức tín dụng cho Công ty được huy động thường xuyên là 180 tỷ đồng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 cụ thể như sau:</p> <p>1/ Ngân hàng Ngoại thương Chi nhánh Long An: 100 tỷ đồng</p> <p>2/ Ngân hàng Công thương Chi nhánh Long An: 60 tỷ đồng</p> <p>3/ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Long An: 20 tỷ đồng</p> <p style="text-align: center;">Tổng hạn mức: 180 tỷ đồng</p> <p>Điều 2: Giao cho Tổng Giám đốc Công ty đàm phán, ký kết hợp đồng vay vốn theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành và sử dụng vốn vay đúng mục đích.</p> <p>Điều 3: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty và các bộ phận có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p>
3	11/NQ-MCF .HDQT	07/03/2022	<p>Điều 1: Thống nhất thông qua báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2021 của Công ty (<i>Có báo cáo kèm theo</i>);</p> <p>- Thống nhất thông qua kế hoạch SXKD năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:</p> <p>Mua vào :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa quy gạo: 34.000 tấn <p>Bán ra :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa quy gạo: 34.000 tấn - Bao bì: 10 triệu chiếc - Mỹ nghệ: 24 cont - Cơ khí doanh thu 20 tỷ đồng - Bê tông 65.000 m³ - Tổng giá đầu tư: 6,04 tỷ đồng - Tổng doanh thu: 570.000.000.000 đồng - Lợi nhuận trước thuế: 13.700.000.000 đồng <p>(<i>Có kế hoạch chi tiết kèm theo</i>)</p> <p>Điều 2: Thống nhất thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công ty TNHH PKMG kiểm toán với các chỉ tiêu chính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng doanh thu: 448.062.988.094 đồng - Lợi nhuận trước thuế: 13.508.215.322 đồng <p>(<i>Có báo cáo thẩm định kèm theo</i>).</p> <p>Điều 3: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, TV HDQT, Ban Tổng Giám đốc, Các Phòng Ban Công ty, các Xí nghiệp trực thuộc triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p>

4	19/NQ-MCF .HDQT	27/04/2022	<p>Điều 1: Thông qua báo cáo tình hình hoạt động SXKD quý I năm 2022, phương hướng hoạt động quý II năm 2022 của công ty, với chỉ tiêu chính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng doanh thu: 118.307.689.554 đồng - Lợi nhuận trước thuế: 3.077.209.736 đồng <p>Điều 2: Thống nhất chọn ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty là ngày 15/06/2022.</p> <p>Giao cho Ban điều hành thực hiện các thủ tục chốt quyền đúng theo quy định của Luật chứng khoán và Pháp luật hiện hành.</p> <p>Điều 3: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn thành viên HDQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty và các bộ phận có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p>
---	--------------------	------------	--

III. Ban kiểm soát (6 tháng đầu năm 2022):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Ngày miễn nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Hoàng Thị Liên	T BKS	12/06/2019		Cử nhân tài chính kế toán
2	Trần Vĩnh Thanh	TV BKS	12/06/2019	15/06/2022	Thạc sĩ kinh tế tài chính ngân hàng
3	Lê Thị Hồng Nhung	TV BKS	12/06/2019		Cử nhân kế toán
4	Phan Lê Duy	TV BKS	15/06/2022		Cử nhân kinh tế tài chính ngân hàng

2. Cuộc họp của BKS

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Thị Liên	2/2	100%	
2	Trần Vĩnh Thanh	2/2	100%	
3	Lê Thị Hồng Nhung	2/2	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban kiểm toán đối với HDQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Các hoạt động của HDQT đều tuân thủ đúng theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. HDQT đã tổ chức duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ sau đó triển khai kịp thời các Nghị quyết của HDQT để Ban Tổng giám đốc thực hiện.

Những vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT đều trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thuộc thẩm quyền của HĐQT. Việc thảo luận và biểu quyết là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/Ủy ban kiểm toán đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực, thường xuyên chỉ đạo CB-CNV Công ty thực hành tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý, duy trì ổn định sản xuất kinh doanh

BKS được mời tham gia các cuộc họp với HĐQT và Ban tổng giám đốc.

BKS thực hiện việc giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện các mục tiêu kinh doanh của HĐQT và Ban Tổng giám đốc, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Kiểm tra và giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

Ban kiểm soát đã chủ động phối hợp hoạt động thường xuyên, chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc. Ban kiểm soát nhận đầy đủ báo cáo, tài liệu liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty, Ban kiểm soát đã có nhiều ý kiến đóng góp, đề xuất với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về các mặt hoạt động của Công ty. Tiên hành xem xét hồ sơ sổ sách kế toán, cách ghi chép hạch toán kế toán hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong việc lập và trình bày báo cáo của Công ty

Hoạt động của BKS luôn được sự hỗ trợ tích cực của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các Phòng Ban, các Xí nghiệp. Hoạt động của BKS có tính độc lập không gây cản trở cho hoạt động SXKD của Công ty. Việc phối hợp làm việc giữa HĐQT, Ban Tổng giám đốc và BKS là phù hợp với chuẩn mực, Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban kiểm toán: *Không có*

IV. Ban điều hành

STT	Thành Viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên ban điều hành
1	Ông Lê Trường Sơn	10/02/1963	Cử nhân TCKT	01/10/2017
2	Ông Nguyễn Bình Hiên	23/07/1964	Cử nhân TCKT	15/09/2009
3	Nguyễn Minh Phục	12/11/1968	Cử nhân kinh tế	01/11/2021

V. Kế toán trưởng Công ty

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Phụng	1988	Cử nhân TCKT	05/01/2022

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: *Không có*

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2022) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của công ty

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Đ KSH	Ngày cấp CMND/Đ KSH	Nơi cấp CMND/Đ KSH	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
1	Nguyễn Văn Kiệt		CT HĐQT					25/3/2011			CT HĐQT
2	Nguyễn Bình Hiền		TV HĐQT-P.TGD					4/4/2015			TV HĐQT-P.TGD
3	Lê Trường Sơn		TV HĐQT-TGD					4/4/2017			TV HĐQT-TGD
4	Nguyễn Thị Hoài		TV HĐQT					12/6/2019	15/06/2022		TV HĐQT
5	Võ Hùng Dũng		TV HĐQT					12/6/2019	15/06/2022		TV HĐQT
6	Trần Vĩnh Thanh		TV HĐQT					15/06/2022			TV HĐQT
7	Lê Mai Hân		TV HĐQT					15/06/2022			TV HĐQT
8	Nguyễn Minh Phục		P.TGD					1/11/2021			P.TGD
9	Nguyễn Thị Thanh Phụng		KTT					05/01/2022			KTT
10	Phan Lê Duy		TV BKS					15/06/2022			TV BKS
11	Hoàng Thị Liên		TBKS					12/6/2019			TBKS
12	Lê Thị Hồng Nhung		TV BKS					12/6/2019			TV BKS

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Không có

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm yết năm quyền kiểm soát

Không có

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc: **không có**

4.3. Các giao dịch khác của công ty có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người liên qua khác: **Không có**

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (6 tháng đầu năm 2022)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKSH	Ngày cấp CMND/ĐKSH	Nơi cấp CMND/ĐKSH	Địa chỉ	Mối quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu đại diện số hữu cuối kỳ	Số cổ phiếu cá nhân số hữu cuối kỳ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Văn Kiệt		CT HĐQT					Người nội bộ	2.155.600	14.280	20,133
	Trần Thị Thu Hương							Vợ		538	0,005
	Nguyễn Thị Lan Anh							Con			
	Nguyễn Hữu Bằng							Con rể			
	Nguyễn Anh Hoàng Minh							Con			
	Nguyễn Anh Hoàng Phúc							Con			
	Nguyễn Thị Ánh Tuyết							Chị ruột			
	Nguyễn Anh Tuấn							Anh ruột			
	Nguyễn Kim Thanh							Chị dâu			
	Nguyễn Thị Ánh Sương							Chị ruột			
	Đặng Bé Hai							Anh rể			
	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt							Em ruột			
	Trần Văn Nhạn							Cha vợ			
	Trần Thị Sáu							Mẹ vợ			
	Trần Kim Thượng							Anh vợ			
	Nguyễn Thị Thắng							Chị dâu			
	Trần Xuân Trường							Anh vợ			
	Đào Thị Năm							Chị dâu			
	Trần Văn Tiểng							Anh vợ			
	Ôn Thị Phương Oanh							Chị dâu			
	Trần Thị Thu Thảo							Chị vợ			
	Trà Văn Tường							Anh rể			

ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKSH	Ngày cấp CMND/ĐKSH	Nơi cấp CMND/ĐKSH	Địa chỉ	Mối quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu đại diện số hữu cuối kỳ	Số cổ phiếu cá nhân số hữu cuối kỳ	Tỷ lệ
	Trần Thị Thu Vân							Em vợ			
	Trần Thị Thu Lan							Em vợ			
	Huỳnh Công Đức							Em rể			
	Trần Thị Thu Trang							Em vợ			
	Tổng Thfnh Nghĩa							Em rể			
	Trần Thị Thu Trinh							Em vợ			
	Trương Văn Bi							Em rể			
2	Nguyễn Bình Hiến		TV HĐQT-P.TGD					Người nội bộ	1.077.800	36.348	10,337
	Nguyễn Thăng Ký							Anh ruột			
	Nguyễn Chiến Công							Anh ruột			
	Nguyễn Thanh Vinh							Anh ruột			
	Nguyễn Thanh Tâm							Em ruột			
	Nguyễn Tâm Minh							Em ruột			
	Đặng Thị Bé Chính							Vợ		4.041	0,037
	Nguyễn Đặng Minh Hiền							Con			
	Nguyễn Đặng Minh Đức							Con			
	Nguyễn Thị Kim Tuyền							Em dâu			
	Nguyễn Thị Bạch Tuyết							Chị dâu			
	Nguyễn Văn Thường							Anh rể			
	Lê Văn Dũng							Em rể			
	Trương Thành Huân							Anh rể			
	Nguyễn Văn Cuộc							Anh rể			
	Phan Phúc Tiến							Con rể			
3	Lê Trường Sơn		TV HĐQT-TGD					Người nội bộ	1.077.800	29.639	10,275

ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKSH	Ngày cấp CMND/ĐKSH	Nơi cấp CMND/ĐKSH	Địa chỉ	Mối quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu đại diện số hữu cuối kỳ	Số cổ phiếu cá nhân số hữu cuối kỳ	Tỷ lệ
	Nguyễn Thị Ngọc							Vợ			
	Lê Thị Ngọc Anh							Con			
	Nguyễn Lưu Tường							Con rể			
	Lê Trường Giang							Con			
	Lê Minh Đức							Anh ruột			
	Lê Phước Phần							Anh ruột			
	Lê Phước Trường							Anh ruột			
	Lê Thị Thu Trang							Em ruột			
	Nguyễn Khắc Tình							Cha vợ			
	Trần Thị Bé							Mẹ vợ			
	Nguyễn Thị Chấn							Chị vợ			
	Nguyễn Thị Kim Thủy							Em vợ			
	Nguyễn Khắc Chung							Em vợ			
	Nguyễn Thị Kim Quý							Em vợ			
4	Nguyễn Thị Hoài		TV HDQT					Người nội bộ	2.155.600		20%
	Vũ Nhật Minh							Con			
	Nguyễn Thị Vân Anh							Chị			
	Nguyễn Thị Vân Khánh							Chị			
	Nguyễn Như Toàn							Em			
	Nguyễn Thị Hiền							Em			
5	Võ Hùng Dũng		TV HDQT					Người nội bộ	-	4.900	0,045%
	Võ Ngọc Cháp							Cha ruột			
	Võ Thị Huệ							Mẹ ruột			
	Võ Thị Tố Trinh							Chị ruột			

ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKSH	Ngày cấp CMND/ĐKSH	Nơi cấp CMND/ĐKSH	Địa chỉ	Mối quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu đại diện sở hữu cuối kỳ	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ
	Võ Thị Tố Nữ							Em ruột			
	Võ Thị Tố Nhi							Em ruột			
	Lê Thị Kim Cúc							Vợ			
	Võ Nhật Linh							Con			
	Võ Lê Huy							Con			
	Trần Thị Hiền							Mẹ vợ			
	Lê Thị Kiều Diễm							Chị vợ			
	Lê Thị Thảo Trang							Chị vợ			
	Lê Thị Kim Dung							Em vợ			
6	Nguyễn Minh Phục		P.TGD					Người nội bộ		2.978	0,027
	Trần Thị Tâm							Mẹ			
	Đoàn Thị Thanh Lang							Vợ			
	Nguyễn Minh Thông							Con			
	Nguyễn Minh Tài							Con			
	Nguyễn Thị Hồng Nhung							Con dâu			
	Nguyễn Minh Mẫn							Anh ruột			
	Trần Thị Loan							Chị Dâu			
	Nguyễn minh Khôi							Anh ruột			
	Huỳnh Thị Sáu							Chị Dâu			
	Nguyễn Minh Việt							Em ruột			
	Trần Thị Kim Dung							Em dâu			
	Nguyễn Minh Lâm							Em ruột			
	Nguyễn Thị Kim Phượng							Em dâu			
	Nguyễn Minh Sơn							Em ruột			

ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKSH	Ngày cấp CMND/ĐKSH	Nơi cấp CMND/ĐKSH	Địa chỉ	Mối quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu đại diện số hữu cuối kỳ	Số cổ phiếu cá nhân số hữu cuối kỳ	Tỷ lệ
	Nguyễn Thị Diễm							Em dâu			
	Đoàn Chuyết							Anh vợ			
	Đoàn Quy							Chi vợ			
	Đoàn Tý							Anh vợ			
	Đoàn Ty							Anh vợ			
	Đoàn Thi Hồng Lam							Em vợ			
	Đoàn Thi Hồng Liên							Em vợ			
	Đoàn Huy							Em vợ			
7	Trần Vinh Thanh		TV HDQT					Người nội bộ	-	-	-
	Trần Kim Đơn							Mẹ ruột			
	Trần Thị Bé Thủy							Chị ruột			
	Trần Thanh Thiện							Em ruột			
	Lê Thị Liên							Vợ			
	Trần Chí Hiếu							con			
	Lê Văn Tinh							Cha vợ			
	Nguyễn Thị Lợi							Mẹ vợ			
	Lê Văn Tài							Em vợ			
	Nguyễn Thị Tuyết							Em dâu			
8	Lê Mai Hân		TV HDQT					Người nội bộ	2.115.600	0	20%
	Lê Văn An							Cha			
	Võ Mai Trinh							Mẹ			
	Lê Tân Quốc Trường							Em			
	Nguyễn Hồng Hải							Chồng			
	Nguyễn Hồng Thái							Cha chồng			
	Lê Thị Tuyết Nga							Mẹ chồng			

ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKSH	Ngày cấp CMND/ĐKSH	Nơi cấp CMND/ĐKSH	Địa chỉ	Mối quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu đại diện số hữu cuối kỳ	Số cổ phiếu cá nhân số hữu cuối kỳ	Tỷ lệ
	Nguyễn Hồng Anh Thư							Em chồng			
9	Phan Lê Duy		TV BKS					Người nội bộ			
	Phan Thanh Huyền							Cha ruột			
	Lê Thị Hồng Vân							Mẹ ruột			
10	Hoàng Thị Liên		T BKS					Người nội bộ	-	20.208	0,187
	Hoàng Hồng Quang							Cha ruột			
	Trần Thị Lợi							Mẹ ruột			
	Hoàng Thị Hồng Hương							Em ruột			
	Hoàng Ngọc Đức							Em ruột			
	Chu Thị Hằng							Chị dâu			
	Nguyễn Văn Vương							Em rể			
	Nguyễn Thị Kim Tuyền							Em dâu			
11	Lê Thị Hồng Nhung		TV BKS					Người nội bộ	-	-	-
	Lê Phú Quý							Cha ruột			
	Lê Thị Hồng							Mẹ ruột			
	Lê Minh Tuấn							Anh ruột			
	Lê Phú Thịnh							Anh ruột			
	Lê Thị Hồng Thắm							Em ruột			
	Trần Thị Hồng Phúc							Chị dâu			
	Nguyễn Thị Loan Phụng							Chị dâu			
	Trần Thị Bướm							Mẹ chồng			
	Nguyễn Xuân Thành							Anh chồng			
	Nguyễn Thị Hồng Thủy							Em chồng			

ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ ĐKSH	Ngày cấp CMND/ ĐKSH	Nơi cấp CMND/Đ KSH	Địa chỉ	Mối quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu đại diện sở hữu cuối kỳ	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ
	Nguyễn Xuân Trường							Chồng			
	Nguyễn Quang Huy							Con			
12	Nguyễn Thị Thanh Phụng							Người nội bộ		404	0,0038
	Trần Thị Lệ							Mẹ ruột			
	Quách Văn Nhịn							Cha chồng			
	Trần Việt Phương							Mẹ chồng			
	Quách Vĩnh Phúc							Chồng			
	Nguyễn Thị Thanh Châu							Chị ruột			
	Thạch Quanh Thủy							Anh rể			
	Quách Việt Phương Nghi							Con			

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty:

- Giao dịch của cổ đông nội bộ: *Không có*

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Võ Hùng Dũng	TV HĐQT	0	0	4.900	0,045	Mua khớp lệnh qua sàn

- Giao dịch của người có liên quan:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
	Không có						

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: *Không có*

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VT



NGUYỄN VĂN KIẾT